

Tổng nguồn kinh phí cho kế hoạch sản xuất Nông lâm kết hợp là: 17.800 triệu đồng, được lấy từ nguồn vốn liên doanh liên kết.

**6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.**

Trong giai đoạn 2022 – 2027, Công ty dự kiến đầu tư xây dựng một số hạng mục quan trọng, với tổng mức đầu tư 269 tỷ đồng, cụ thể trong biểu sau:

**Biểu 28: Tổng hợp các dự án triển khai thực hiện giai đoạn 2022 – 2027**

ST T	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch						
			Tổng	2022	2023	2024	2025	2026	2027
1	Nhà máy sản xuất ván nhân tạo	Tỷ đồng	180		120	60			
2	Dự án vườn ươm giống, cây mô và nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	10	4	3	3			
3	Xây dựng Nhà trưng bày và đầu tư xây dựng các công trình làm việc các đơn vị cơ sở	Tỷ đồng	6	4	2				
4	Sửa chữa nâng cấp ST 509	Tỷ đồng	5		5				
5	Xây dựng Trung tâm phân phối gỗ nguyên liệu và nhà xưởng sp nội thất (km 14)	Tỷ đồng	15		10	5			
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ	Tỷ đồng	10	6	4				
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC	Tỷ đồng	6	1	1	1	1	1	1
8	Lập bản đồ địa chính cấp giấy CNQSDĐ	Tỷ đồng	2	1	0.5	0.5			
9	Xây dựng đường lâm nghiệp (Sỏi đỏ)	Tỷ đồng	10	3	2	2	2	1	
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn	Tỷ đồng	10	2	2	2	2	2	
11	Đầu tư cải tạo rừng trồng Bạch đàn tái sinh	Tỷ đồng	15	5	5	5			
	<b>Tổng cộng</b>		<b>269</b>	<b>26</b>	<b>155.5</b>	<b>78.5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	

**7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng.**

Thực hiện theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/ 09/2010 của Thủ tướng Chính Phủ, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Bắt đầu từ năm 2015, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận có: 326 ha diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng tại Khu vực Trạm LN Thuận Bắc – Xí nghiệp LN bắc Bình Thuận được hưởng kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng từ Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh Bình Thuận chi trả.

**Biểu 29: Kế hoạch chi trả từ năm 2022 – 2027 của Công ty.**

Năm chi trả	Loại rừng	Diện tích chi trả (ha)	Khu vực	Đơn giá/ha	Thành tiền
2022	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
2023	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
2024	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
2025	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
2026	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
2027	Rừng tự nhiên	326	TK 189	200.000	65.200.000
					<b>391.200.000</b>

Tổng kinh phí chi trả từ Dịch vụ môi trường rừng mà Công ty được nhận trong 6 năm là: **391.200.000đ**.

Khu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng được thể hiện chi tiết trên bản đồ quản lý của Công ty.

**8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.**

Giai đoạn 2022 – 2027, Công ty dự kiến tổ chức 6 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng cho lực lượng bảo vệ rừng của Công ty, hộ nhận khoán và người dân sống gần rừng. Tổng kinh phí dự kiến: 30 triệu đồng.

**Biểu 30: Kinh phí tập huấn, giáo dục pháp luật**

*DVT: Triệu đồng*

Hạng mục	2022	2023	2024	2025	2026	2027	Tổng
Kinh phí	5	5	5	5	5	5	30

**9. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng**

**a) Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học.**

Hoạt động theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ theo hướng dẫn của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Thuận, dựa trên nền tảng website: <https://fmsbinhthuan.net> (Hệ thống quản lý, giám sát tài nguyên rừng tỉnh Bình Thuận).

**b) Điều tra, kiểm kê rừng.**

Công tác điều tra, kiểm kê rừng giai đoạn 2022 – 2027, Công ty sẽ triển khai thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của ngành cấp trên.

**10. Chế biến, thương mại lâm sản.**

\* Kế hoạch ngắn hạn: Công ty tiến hành tái cơ cấu toàn diện về nhân lực, nguồn vốn và chiến lược kinh doanh. Trong đó có việc di dời xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết theo yêu cầu của UBND Tỉnh, do đó cần có nguồn vốn di dời, đầu tư mới máy móc, thiết bị cho việc di dời khoảng 50 tỷ đồng. Hiện nay, cơ chế hỗ trợ chưa được chính quyền địa phương xem xét. Do đó, công ty sẽ xem xét liên kết,

hợp tác đầu tư với các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm để triển khai phương án này cho phù hợp với quy định pháp luật.

\* Kế hoạch dài hạn: Xây dựng nhà máy băm dăm tại khu vực huyện Hàm Thuận Nam: Để tận dụng nguồn nguyên liệu rừng trồng của công ty và nâng cao giá trị rừng, Công ty triển khai xây dựng nhà máy băm dăm để xuất khẩu. Dự án này cần nguồn vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng, do đó Công ty đề xuất phương án liên kết, liên doanh, HTĐT các đối tác phù hợp để thực hiện. Dự kiến Công ty đầu tư 51%. Đối tác đầu tư 49%.

## **11. Kế hoạch thực hiện giao khoán rừng theo Nghị định 168/CP của Chính phủ.**

Trong giai đoạn 2022 - 2027, xác định nhu cầu sử dụng đất theo hình thức giao khoán Công ty sẽ tiến hành giao khoán mới theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP với tổng diện tích 343ha. Cụ thể:

- Xí nghiệp Lâm nghiệp Hàm Thuận Nam là 114 ha.
- Xí nghiệp Lâm nghiệp Hàm Tân là 229 ha.

## **12. Kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường, xã hội.**

### **12.1. Kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường.**

#### **\* Xác định các TĐMT tiềm năng ảnh hưởng:**

- *Làm đường vận xuất, vận chuyển:* Tác động tiêu cực đến môi trường sống của các loài động vật sống gần khu vực có tuyến đường đi qua, gần khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF); Tác động đến môi trường đất và nước, hành lang ven suối, khu kết nối đa dạng sinh học; Tác động đến người dân địa phương sống gần tuyến đường đi qua v.v...

- *Khai thác gỗ:* Khai thác trắng với diện tích quá lớn/dám; Quá trình xả rác thải sinh hoạt ra môi trường của người lao động (Nhiên liệu như dầu nhớt, xăng xe bị rò rỉ ra môi trường); Vỏ, lá cây, cành, nhánh rơi xuống suối gây ô nhiễm nguồn nước; Quá trình khai thác làm cây đổ, cành nhánh, lá rơi vãi, tác động trực tiếp lên các hành lang ven suối, hành lang đa dạng sinh học nơi cư ngụ cũng như di chuyển của một số loài động vật ...

- *Hoạt động Vườn ươm:* Rác thải sinh hoạt, rác thải trong quá trình hoạt động như: vỏ bầu, vỏ thuốc BVTV, bao nilon... ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- *Hoạt động trồng rừng:* Rác thải sinh hoạt của người lao động, các chai lọ thuốc BVTV, đặc biệt túi bầu sau khi trồng để trên rừng về lâu dài sẽ gây ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước; Xử lý thực bì đối với rừng sau khai thác trước khi trồng rừng bằng phương pháp đốt gây ô nhiễm môi trường do khói, bụi, ảnh hưởng độ phì của đất, hủy diệt vi sinh vật; Trồng rừng mới trên diện tích đất trống có thể làm chia cắt sinh cảnh của một số loài động vật hiện hữu tại khu vực, làm mất cân bằng sinh thái; Cây ngoại lai, nhập nội xâm lấn ảnh hưởng tới bảo tồn Đa dạng sinh học...

**\* Kế hoạch giảm thiểu TĐMT:**

- *Làm đường:* Đến nay về cơ bản đường vận chuyển gỗ trong phạm vi Công ty quản lý đã hoàn chỉnh, Công ty không có kế hoạch mở mới, chỉ sử dụng đường đã có và chỉ bảo dưỡng những nơi sạt lở, mặt đường bị hư hỏng. Xây dựng, bảo dưỡng đường vận xuất, vận chuyển vào mùa khô hanh, ưu tiên xây dựng những tuyến đường chạy dọc theo lòng khe, ven suối. Hạn chế tối đa việc san gạt và không làm cản trở dòng chảy; Quá trình thi công cần có giám sát kỹ thuật của Công ty theo dõi để đảm bảo thực hiện đúng bản vẽ thiết kế v.v...

- *Với việc gieo ươm cây con và trồng rừng:* Hạn chế việc sử dụng phân NPK và tiến tới ưu tiên sử dụng phân vi sinh để làm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Sử dụng biện pháp tổng hợp (IPM) để quản lý sâu bệnh hại cây rừng trên cơ sở sinh thái học sẽ làm tăng năng suất, bảo vệ sinh thái, giảm độc hại do sử dụng thuốc và giảm chi phí đầu tư. Chọn giống cây trồng có năng suất cao và có khả năng chống chịu sâu bệnh hại. Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi thật cần thiết. Sau trồng rừng bao bì hóa chất, vỏ túi bầu được thu gom để hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Đối với việc xử lý thực bì khi trồng rừng:* Tiến hành vào mùa khô để hạn chế xói mòn, thực hiện dọn theo băng tạo độ mùn cho đất, hạn chế đốt. Thực hiện thu gom rác thải theo quy trình và văn bản hướng dẫn của Công ty. Sau khi xử lý thực bì xong cuộc hồ trồng lại rừng ngay để tăng độ che phủ của rừng.

- *Khai thác:* Công ty thực hiện khai thác theo hai hình thức khai thác trắng. Thực hiện khai thác theo quy trình khai thác giảm thiểu tác động (RIL) để giảm thiểu tác động đến môi trường. Khai thác trắng toàn diện ở nơi dốc dưới 25 độ, chặt trắng theo băng, theo đám (đám có thể là các lô có diện tích nhỏ dưới 3ha) ở nơi có độ dốc từ 25 độ trở lên. Sau khi khai thác xong sẽ trồng lại rừng ngay. Thực hiện vệ sinh sạch sẽ hiện trường sau khai thác.

- Trong kiểm soát các tác động tiềm tàng ảnh hưởng đến môi trường: Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh rừng của Công ty đều được đánh giá tác động môi trường trước, trong và sau khi kết thúc nhằm xác định những khu vực ảnh hưởng xấu đến môi trường và đề ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

*(Chi tiết xem Phụ lục 13b và Báo cáo đánh giá TĐMT tháng 5.2022)*

**12.2. Kế hoạch giảm thiểu tác động xã hội.**

**\* Xác định đối tượng chịu TĐXH:**

- Cán bộ công nhân viên trong biên chế Công ty;
- Gia đình của CBCNV đang công tác trong Công ty;
- Các hộ nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và liên kết trồng rừng với Công ty;
- Người dân, các hộ gia đình đang sinh sống trên địa bàn các thôn, bản, xã trong vùng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.

**\* Các TĐXH tiềm năng ảnh hưởng:**

- Sức khỏe và an toàn lao động; Không gian, môi trường sống của người lao động và dân cư trên địa bàn;

- Việc làm và thu nhập, bảo đảm cuộc sống; Sức khỏe, tinh thần; Năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý của CBCNV Công ty;

- An ninh khu vực; Các chính sách hỗ trợ về an sinh xã hội; Quyền hưởng lợi của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương từ hoạt động quản lý rừng của Công ty như: Trồng rừng, khai thác rừng, nhận khoán trồng rừng, xử lý các mâu thuẫn, vi phạm về BVR và xâm lấn, tranh chấp đất đai v.v....

**\* Kế hoạch giảm thiểu TĐXH:**

Công ty có kế hoạch giám sát tác động xã hội. Hàng năm có báo cáo giám sát tác động xã hội; Có cơ chế giải quyết mâu thuẫn ký với chính quyền sở tại trên địa bàn từng xã (PL số 16) và Quy chế tiếp nhận thông tin PL số 17.

Tuyên truyền vận động trường khu, người dân ký và thực hiện Cam kết bảo vệ rừng, vận động trồng rừng liên kết với Công ty. Cho phép trồng xen các loài cây nông nghiệp trên diện tích rừng trồng.

Hàng năm Công ty đóng góp kinh phí cho các hoạt động xã hội, duy tu đường dân sinh bảo đảm đi lại bình thường của người dân.

Phối hợp với chính quyền địa phương và các hộ dân giải quyết thuê lại và trồng rừng liên doanh, liên kết với dân những diện tích đang bị xâm lấn; đảm bảo lợi ích hài hoà, đôi bên cùng có lợi, nâng cao thu nhập và tạo việc làm cho nhân dân địa phương.

*(Chi tiết xem Phụ lục 14b và Báo cáo đánh giá TĐXH tháng 5.2022)*

**13. Kế hoạch giám sát, đánh giá.**

**13.1. Kế hoạch giám sát**

**13.1.1. Thực hiện giám sát năng suất rừng**

- Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch giám sát năng suất rừng theo định kỳ với rừng tự nhiên và rừng trồng do Công ty quản lý.

- Công ty đã ban hành kế hoạch số: 1007/CTN-KTQLR ngày 30/01/2017 về theo dõi sinh trưởng rừng trồng trên toàn bộ lâm phận Công ty quản lý.

- Đo đếm số lượng cây, đường kính, chiều cao, xác định loài cây (rừng tự nhiên) trong các ô tiêu chuẩn, tiến hành tính toán trữ lượng, xác định mức tăng trưởng của rừng trồng và động thái của rừng tự nhiên.

Việc đo đếm các ô được đo đếm vào cùng một thời điểm nhất định trong năm.

*(Xem chi tiết phụ lục số 6)*

**13.1.2. Giám sát các biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng, khai thác.**

- Trong trồng rừng: Thực hiện giám sát tất cả các khâu từ: Kế hoạch trồng rừng của đơn vị được giao; Hồ sơ thiết kế trồng rừng; tiến độ thực hiện kế hoạch trồng rừng của đơn vị (Chuẩn bị hiện trường trồng rừng, phát dọn thực bì, cuốc hố, bón phân, lấp hố, trồng rừng ...); Chất lượng rừng trồng; Hồ sơ giao khoán sử

dụng đất trồng rừng; Công tác nghiệm thu trồng rừng. Cán bộ kỹ thuật công ty và các Xí nghiệp Lâm nghiệp trực thuộc chịu trách nhiệm thực hiện các công việc trên. Sau khi tiến hành xong từng công đoạn đều phải có báo cáo gửi Tổng Giám đốc Công ty.

- Về khai thác rừng: Thực hiện giám sát tất cả các khâu từ: Kế hoạch khai thác, tiêu thụ; Hồ sơ thiết kế khai thác; tiến độ thực hiện kế hoạch khai thác của đơn vị (Cấp phép khai thác, chuẩn bị hiện trường khai thác, ...); Kết quả khai thác (Diện tích, sản lượng, sản phẩm ăn chia; sản lượng gỗ của Công ty, gỗ mua lại của người nhận khoán (nếu có)); Công tác nghiệm thu sản phẩm và hiện trường sau khai thác; Hợp đồng tiêu thụ, kết quả tiêu thụ. Cán bộ kỹ thuật công ty và các Xí nghiệp Lâm nghiệp trực thuộc chịu trách nhiệm giám sát mọi hoạt động liên quan đến khai thác, vận chuyển và phải thường xuyên báo cáo tiến độ về Công ty.

### 13.1.3. Giám sát tác động môi trường.

+ Giám sát độ che phủ của rừng;

+ Quy trình sử thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao bì hóa chất;

(Phụ lục 08)

+ Kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối và bảo vệ Đa dạng sinh học (trình bày trong phụ lục 4).

+ Quy trình thu gom rác thải (Phụ lục số 9).

+ Kế hoạch giám sát chất lượng nguồn nước (có phụ lục số 12 kèm theo).

+ Giám sát giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học.

### 13.1.4. Giám sát tác động xã hội.

Giám sát số lượng việc làm mà Công ty tạo ra cho địa phương hàng năm, mức thu nhập bình quân/tháng đối với lao động địa phương được thuê khoán; ; số CBCNV được ký hợp đồng nhận khoán.

Giám sát lương, thưởng công nhân lao động của các Nhà thầu.

Công ty thực hiện giám sát tác động xã hội hàng năm và sau 3 năm có 1 báo cáo đánh giá tác động xã hội.

### 13.1.5 Người thực hiện giám sát.

**Biểu 31: Kế hoạch giám sát của Công ty giai đoạn 2022 -2027**

Số TT	Nội dung giám sát	Tần suất (lần/năm)	Trách nhiệm	Thời gian báo cáo
1	Giám sát vườn ươm (Giám sát theo quy định của Công ty TNHH MTV LN Bình Thuận)	6	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng: 1, 2, 3, 4, 11, 12
2	Giám sát trồng rừng	4	Phòng KH-KT, các Xí	Tháng: 6,7,8,9

			ngiệp	
3	Giám sát khai thác	6	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng 1, 2, 3, 4, 11, 12
4	Giám sát chuỗi HTSP FM/CoC	12	Phòng KD-MKT, các Xí nghiệp	Hàng tháng
5	Giám sát năng suất rừng	1	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng 12 hàng năm
6	Giám sát chất lượng nguồn nước	1	Thuê TTYTDP	Tháng 5-6 hàng năm
7	Giám sát đa dạng sinh học	1	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng 10-11 hàng năm
8	Giám sát tác động môi trường	1	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng 12 hàng năm
9	Giám sát tác động xã hội	1	Phòng KH-KT, các Xí nghiệp	Tháng 12 hàng năm
10	Hoạt động tuyên truyền ...	4	P. TC-HC	Tháng 2 hàng năm

(Chi tiết tham khảo Phụ lục 26/2018)

Dự toán kinh phí cho các hoạt động giám sát giai đoạn 2022 -2027 dự kiến là: 90 triệu đồng, chủ yếu là kinh phí hỗ trợ thêm cho cán bộ giám sát.

### 13.2. Kế hoạch đánh giá.

Công ty tiến hành đánh giá hàng năm, giữa hoặc cuối chu kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh rừng để có kết quả chính xác, thiết thực nhằm rút kinh nghiệm, thực hiện các biện pháp cải tiến, điều chỉnh lại kế hoạch để tiến đến quản lý rừng một cách bền vững.

a) Đánh giá hàng năm: Thời gian đánh giá vào cuối năm gồm những nội dung:

- Đánh giá về kinh tế: Đánh giá diện tích trồng rừng trồng trong năm so với kế hoạch; đánh giá chất lượng rừng tốt, khá, trung bình, xấu; tổng kinh phí đầu tư: vốn tự có, vốn đi vay, vốn khác; mức độ hoàn thành kế hoạch khai thác, tiêu thụ nguyên liệu...

- Đánh giá về mặt lâm sinh, môi trường: Diện tích rừng trồng tăng hay giảm so với năm trước; công tác quản lý bảo vệ rừng có xảy ra các vụ việc vi phạm lâm luật nào không...

- Đánh giá về tác động xã hội: Tạo được bao nhiêu việc làm cho người lao động; đời sống, thu nhập bình quân của người lao động, người dân trên địa bàn công ty hoạt động sản xuất kinh doanh; Ứng hộ xây dựng các công trình công cộng, các quỹ phúc lợi xã hội, sửa chữa bảo dưỡng đường; số lớp tập huấn, số lượng người được tham gia về an toàn lao động, trồng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, giải quyết được bao nhiêu % chất đốt cho người dân trong vùng...

Kết quả đánh giá hằng năm được thể hiện trong Báo cáo kết quả thực hiện FSC theo mẫu do Công ty ban hành, trong đó thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu đánh giá về kinh tế, xã hội, môi trường ... đã thực hiện trong năm và kế hoạch cho năm tiếp theo....

**b) Đánh giá giữa chu kỳ:**

Sau 3 năm cần tiến hành đánh giá lại các mặt: kinh tế, xã hội, môi trường. Quá trình đánh giá này giúp cho công ty biết được hoạt động sản xuất kinh doanh có đi đúng hướng không, có tiến tới phát triển bền vững đến mức độ nào. Công ty sẽ thực hiện đánh giá giữa kỳ vào tháng 12 năm 2025

**c) Đánh giá cuối chu kỳ:**

Trước khi thu hoạch, Công ty sẽ đánh giá lại toàn bộ diện tích đã đầu tư về kinh tế (*lượng kinh phí đã đầu tư cho diện tích đó*); về xã hội (*số công lao động đã đầu tư cho diện tích đó*); về môi trường (*diện tích đã làm tăng độ che phủ bao nhiêu, nguồn nước, xói mòn đất*) ... Đến năm 2027, Công ty sẽ lập báo cáo kết quả đánh giá cuối chu kỳ 2022 - 2027

Từ những đánh giá kết quả ở cuối chu kỳ Công ty sẽ rút ra nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý rừng, từ đó chỉnh sửa kế hoạch quản lý rừng phù hợp hơn, bền vững hơn cho những chu kỳ kinh doanh tiếp theo.

**VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.**

**1. Nhu cầu vốn.**

Trong giai đoạn 2022 – 2027, tổng nguồn vốn Công ty cần để thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững là 614.004 triệu đồng, cụ thể ở bảng sau:

**Biểu 32: Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch QLRBV Công ty  
Giai đoạn 2022 – 2027**

Stt	Hạng mục	Nguồn vốn phân bổ theo năm						Tổng
		2022	2023	2024	2025	2026	2027	
1	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững	2.438	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	7.438
2	Bảo vệ rừng	567	578	578	578	578	578	3.457
3	Phát triển rừng (áp dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học, thử nghiệm, thâm canh,...)	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	42.000

**Phương án Quản lý rừng bền vững 2022-2027**

4	Trồng và chăm sóc rừng trồng các năm	49.365	51.042	46.806	41.504	50.710	50.604	290.031
5	Phòng cháy chữa cháy rừng	15	15	15	15	15	15	90
6	Phòng trừ sâu bệnh hại rừng	8	8	8	8	8	8	48
7	Dịch vụ cộng đồng	200	200	200	200	200	200	1.200
8	Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	26.000	155.500	78.500	5000	4000		269.000
9	Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	5	5	5	5	5	5	30
10	Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao	35	35	35	35	35	35	210
11	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực	751	751	751	391	391	391	3.426
12	Kinh phí phục vụ hoạt động giám sát, đánh giá	15	15	15	15	15	15	90
13	Kinh phí trồng xen nông nghiệp	2.967	2.967	2.967	2.967	2.967	2.967	17.802
14	Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng	26	155,5	78,5	5	4		269,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.399</b>	<b>216.149</b>	<b>134.913</b>	<b>55.751</b>	<b>63.957</b>	<b>59.851</b>	<b>617.020</b>

## 2. Nguồn vốn đầu tư.

Phân bổ nguồn vốn đầu tư trong kế hoạch quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022 -2027 là: 617.020 triệu đồng cụ thể như sau:

+ Vốn tự có của Doanh nghiệp: 150.000 triệu đồng

+ Vốn ngân sách (chi phí QLVR tự nhiên cho 50 hộ đồng bào dân tộc tại Hàm Tân): 2.076 Triệu đồng

+ Vốn liên doanh liên kết, hợp tác, vốn vay: 464.944 Triệu đồng

## VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Việc thực hiện thành công những kế hoạch quản lý rừng đã nêu ra, ngoài sự quyết tâm của Công ty, cần phải triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

### 1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực

- Kịp thời bổ sung nhân sự quản lý điều hành công ty nhằm đủ sức gánh vác các trọng trách của Công ty và phù hợp với quy định của luật doanh nghiệp trong thời gian tới. Đồng thời, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu sắp tới.

- Tổ chức tinh gọn hệ thống điều hành từ các Xí nghiệp đến Công ty nhằm quản lý chặt chẽ và kiểm soát trực tiếp như đối với một số Xí nghiệp hoạt động không hiệu quả.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty trong giai đoạn mới, công ty sẽ có giải pháp về xây dựng các kế hoạch tuyển dụng, chương trình đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, kiến thức quản lý và chuyên môn cho cán bộ nhân viên và người lao động phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế để đáp ứng tình hình chung. Duy trì

hình thức thi tay nghề hàng năm, nhất là lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách về trả lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác cho người lao động bằng các quy tắc rõ ràng tạo ra sự công bằng giữa các nhân viên trong Công ty, để họ nhận thấy và tin tưởng rằng thù lao họ được hưởng tương xứng với tài năng, công sức và khả năng đóng góp của họ vào lợi ích chung của Công ty.

- Đảm bảo chất lượng nhân lực phù hợp, từng bước phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, với tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng so với công nhân trực tiếp sản xuất phù hợp.

## **2. Giải pháp về khoa học, công nghệ.**

- Từng bước ứng dụng công nghệ GIS, ảnh vệ tinh trong quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng, kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm, khai thác lâm sản, dự báo và kiểm soát cháy rừng.

- Đầu tư xây dựng vườn ươm giống chất lượng cao bằng cách chuyển đổi sản xuất giống truyền thống như hiện nay sang công nghệ nuôi cấy mô... để tạo ra giống cây đầu dòng chất lượng phục vụ trồng rừng cho năng suất cao.

- Đầu tư công nghệ chế biến gỗ tiên tiến làm tăng giá trị các sản phẩm hàng hóa của rừng, tăng chuỗi giá trị chế biến, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, cụ thể: Tìm kiếm đối tác đầu tư nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu, nhà máy sản xuất ván nhân tạo, sản xuất viên nén, nhà máy băm dăm,...

- Đưa công nghệ 4.0 vào quản lý bảo vệ rừng như áp dụng các phần mềm quản lý hiện nay. Đồng thời, tiếp tục đưa công nghệ sinh học vào áp dụng trong công tác gieo ươm cụ thể: Áp dụng công nghệ viễn thám vào theo dõi giám sát rừng, PCCR; đầu tư xây dựng vườn ươm nuôi cấy mô, đầu tư máy móc, công nghệ vào hoạt động trồng rừng, chăm sóc và khai thác rừng.

- Quản lý tài chính kế toán trên hệ thống quản lý phần mềm hiện đại, nhanh, gọn và hiệu quả. Ví dụ: Phần mềm kiểm toán; phần mềm quyết toán....

## **3. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.**

- Huy động vốn của các tổ chức, cá nhân thông qua việc hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết sản xuất nhằm triển khai được các dự án đầu tư của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được chủ sở hữu phê duyệt. Trong đó, tổng mức đầu tư gần 270 tỷ được phân khai đầu tư qua từng năm trong giai đoạn.

- Vay vốn của các tổ chức, cá nhân; vốn vay ưu đãi đầu tư của các ngân hàng với mức lãi suất phù hợp với quy định. Tiếp tục thực hiện liên kết, liên doanh, HTĐT với các đối tác chiến lược trước đây như Công ty Sanrim ( Hàn Quốc) và các đối tác khác.

- Cơ cấu lại nguồn vốn, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của vốn. Tập trung thu hồi công nợ, sử dụng các biện pháp để việc thu hồi công nợ đạt hiệu quả cao.

- Cơ cấu lại các khoản nợ xấu: Cơ cấu lại các khoản nợ ngay khi có đủ điều kiện để cải thiện dòng tiền và khả năng trả nợ của Công ty nhằm tạo thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngưng đầu tư dàn trải đối với các dự án không hiệu quả (nếu có), chỉ tập trung đầu tư các hoạt động chủ lực có cơ chế kiểm soát tài chính.

- Rà soát lại kế hoạch để kịp thời điều chỉnh hợp lý dựa trên cơ sở hoạt động có hiệu quả về một số lĩnh vực nhằm đảm bảo các chỉ số tăng trưởng và chỉ tiêu đề ra.

#### **4. Giải pháp về thị trường.**

- Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu công ty, khai thác, mở rộng thêm hệ thống đại lý tiêu thụ đồ gỗ nội thất tại các thị trường mới có tiềm năng và ở các tỉnh Đông Nam Bộ bằng các sản phẩm chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

- Nghiên cứu thị hiếu thị trường, đặc biệt chú trọng quan tâm đến gỗ nguyên liệu từ rừng trồng của Công ty để triển khai và tạo chuỗi giá trị.

- Định vị, khảo sát thị trường: Xác định thị trường chính trong giai đoạn đến năm 2025. Hoàn thiện các tiêu chuẩn và chuẩn bị cơ hội để tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

- Các hoạt động marketing sẽ được tiến hành liên tục để hỗ trợ cho công tác bán hàng một cách hiệu quả (gồm các hoạt động quảng cáo, bán hàng cá nhân, PR...).

#### **5. Giải pháp khác.**

##### **5.1. Giải pháp kỹ thuật.**

##### **5.1.1. Về công tác phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng.**

- Kinh doanh rừng trồng theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng rừng trồng bằng các biện pháp thay đổi biện pháp lâm sinh, thâm canh trên 1 đơn vị diện tích rừng trồng.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến chất lượng nguồn giống hiện có, đa dạng loài cây trồng; dần đưa giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô vào trồng rừng đại trà nhằm nâng cao chất lượng rừng.

- Tổ chức khai thác và trồng rừng bền vững, tối thiểu phải duy trì độ che phủ hiện tại (72,4%) trên toàn bộ diện tích rừng trồng Của Công ty.

- Thực hiện giám sát tất cả các khâu từ phát dọn thực bì, xử lý đất, cuốc hố, bón phân trong công tác trồng rừng. Cán bộ kỹ thuật công ty và các trạm, trạm trưởng Lâm nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện các công việc trên.

- Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động liên quan đến khai thác, vận chuyển và đặc biệt là các yếu tố tác động đến môi trường và xã hội.

##### **5.1.2. Giải pháp về công tác QLBR.**

- Tổ chức, bố trí lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ rừng thuộc đơn vị quản lý; chủ động, thường xuyên tuần tra, kiểm tra phát hiện lập hồ sơ ban đầu, chuyển cơ quan chức năng xử lý, kịp thời ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng, khai thác gỗ

trái phép, lấn chiếm đất và canh tác hoa màu trên diện tích đã phá, lấn, chiếm...Chịu trách nhiệm trước cấp trên về hiệu quả quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và quản lý đất lâm nghiệp đã được Nhà nước giao hoặc tạm giao.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp được giao, tạm giao theo chỉ đạo của Sở NN&PTNT, UBND các huyện liên quan, xác định cụ thể khu vực cần được bảo vệ, bảo vệ nghiêm ngặt; kế hoạch, phương án phá bỏ cây trồng, công trình xây dựng trái phép trên diện tích đã phá, lấn chiếm theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Trực tiếp cùng UBND các xã sở tại, các ngành chức năng của huyện giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến việc quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp thuộc lâm phần đơn vị quản lý. Hỗ trợ kịp thời về phương tiện kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ trong quá trình kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm về rừng và đất đai ngoài trách nhiệm quản lý của đơn vị khi UBND các xã yêu cầu.

- Phối hợp cùng Kiểm lâm địa bàn, UBND, phương tiện truyền thông cấp tỉnh, huyện và các xã liên quan phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật, các chủ trương của Nhà nước và của Công ty về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và đất đai đến cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tham dự các cuộc họp có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng do xã tổ chức và mời họp.

- Đối với diện tích đất lâm nghiệp đã được quy hoạch ổn định nhưng bị lấn chiếm thì lập hồ sơ ban đầu, chuyển các ngành chức năng xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, và quy định của pháp luật về đất đai; đối với đất sản xuất ổn định liên tục từ lâu đời gắn với thu nhập chính của người dân, nhưng còn nằm xen kẽ trong đất quy hoạch lâm nghiệp thì khoanh lại để dễ quản lý.

- Đối với diện tích đất được quy hoạch để thực hiện các công trình của Nhà nước bị người dân lấn chiếm thì phối hợp với địa phương sở tại và các ngành chức năng kiên quyết thu hồi để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tuyệt đối không phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và khai thác lâm sản tại các khu rừng tự nhiên, thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng;

- Ngăn chặn người dân khai thác trái phép lâm sản, chăn thả gia súc tự do và đặc biệt là săn bắt động vật hoang dã trong rừng. Ngoài việc tổ chức tốt công tác tuần tra bảo vệ rừng, Công ty cần phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền nâng cao ý thức bảo tồn cho người dân, xây dựng quy ước cộng đồng về bảo vệ rừng và động vật hoang dã;

- Tiến hành cấm biển báo nghiêm cấm săn bắt động vật hoang dã và khai thác lâm sản trong rừng tự nhiên;

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ của Công ty và cán bộ địa phương về kiến thức và kỹ năng quản lý các khu rừng có giá trị bảo tồn cao, quản lý và bảo tồn các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm;

- Thực hiện các dự án hỗ trợ người dân địa phương phát triển kinh tế, giảm sự phụ thuộc về sinh kế của người dân vào tài nguyên rừng và thu hút người dân tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý bảo vệ rừng.

### 5.1.3. Về công tác xây dựng cơ sở hạ tầng.

Bằng nguồn vốn đầu tư của Công ty và hỗ trợ của các nguồn khác, cần triển khai thực hiện đồng bộ các dự án, công trình trọng điểm, thiết yếu đối với công tác sản xuất kinh doanh, quản lý rừng bền vững của Công ty như: Xây dựng mới, tu sửa nhà Trạm, tổ đội quản lý bảo vệ rừng; Nhà làm việc của Công ty; tu sửa và nâng cấp hệ thống đường lâm nghiệp; Khởi động xây dựng Vườn ươm nuôi cấy mô, Nhà máy ván dăm và một số công trình khác.

## 5.2. Giải pháp về giảm thiểu tác động đến môi trường.

### 5.2.1. Giải pháp quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF.

- Nghiêm cấm khai thác gỗ và lấn chiếm đất rừng tự nhiên có giá trị bảo tồn cao;

- Nghiêm cấm săn bắn, bẫy động vật hoang dã, đặc biệt các loài chim và thú nằm trong sách đỏ Việt Nam, Nghị định 06/2019/NĐ-CP và IUCN;

- Tăng cường tuần tra, giám sát các loại rừng có giá trị bảo tồn cao, đặc biệt rừng phòng hộ và hành lang sông, suối nơi có sự hiện diện của một số loài động vật, thực vật nguy cấp.

- Tuyên truyền các văn bản pháp luật cho người dân hiểu biết về những khu rừng có giá trị bảo tồn cao, từ đó không săn bắt, không buôn bán, không ăn động vật hoang dã và không khai thác sử dụng các loài thực vật quý hiếm, nguy cấp.

### 5.2.2. Giải pháp về giảm thiểu tác động đến môi trường khác.

- Áp dụng các biện pháp chống xói mòn đất, chống ô nhiễm nguồn nước, chống ô nhiễm môi trường

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp với chính quyền địa phương, Kiểm lâm địa bàn làm tốt công tác tuyên truyền trong nhân dân và cho làm bản cam kết đối với những hộ dân sống ven rừng về công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Văn Phòng Công ty, các Xí nghiệp và các Trạm, Tổ, Đội quản lý BVR, Vườn ươm phải xử lý tốt chất thải, rác thải sinh hoạt, thu gom hàng ngày; có nơi xử lý rác thải, xây dựng công trình phụ bảo vệ môi trường và an toàn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và người lao động.

- Tuyên truyền người dân hạn chế sử dụng và thu gom các loại chai lọ đựng hóa chất trong quá trình canh tác nương rẫy.

- Rác thải người dân trong rừng và ven rừng phải có biển báo và làm công tác tuyên truyền, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân vứt rác trong rừng với số lượng lớn thì lập biên bản và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải xăng, nhớt cần có thùng đựng tránh tràn ra đất và bay mùi trong không khí.

- Thực hiện yêu cầu của chính sách về sử dụng thuốc trừ sâu FSC-POL-30-001 V

- Thực hiện Quản lý tổng hợp sâu bệnh, dịch bệnh và cỏ dại trong rừng và rừng trồng được chứng nhận FSC (IPM)

### **5.3. Giải pháp giảm thiểu tác động đến xã hội.**

- Phổ biến cho người lao động và cán bộ công nhân viên của đơn vị về các công ước quốc tế có liên quan đến các hoạt động của đơn vị mà nhà nước đã ký kết.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên, cập nhật thường xuyên về các quy định, luật pháp, hướng dẫn kỹ thuật mới.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị 1 lần/năm.

- Tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên trong đơn vị tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ.

- Tổ chức tham vấn định kì các bên liên quan theo chính sách của FSC-STD-20-006 V3.0 và hướng dẫn tham vấn dành cho chủ rừng của đơn vị tư vấn kĩ thuật.

### **5.4. Một số chính sách liên quan được ban hành.**

5.4.1. Chính sách “Lâm nghiệp xã hội” được Công ty ban hành, áp dụng nhằm khuyến khích người dân sống gần rừng (đặc biệt ưu tiên cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số) chung tay cùng Công ty quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng và đất lâm nghiệp, qua đó góp phần cải thiện thêm thu nhập, tăng sinh kế cho người dân, cải thiện đời sống, xã hội địa phương.

5.4.2. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đã được Công ty ban hành từ trước đến nay. Hàng năm, có đông đảo lực lượng cán bộ công nhân viên chức người lao động của Công ty tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn; các lớp đại học, thạc sĩ,... góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ Công ty.

5.4.3. Chính sách khám sức khỏe định kỳ (1 năm/1 lần) cho toàn thể cán bộ công nhân viên chức người lao động công ty, góp phần nâng cao sức khỏe, chất lượng đời sống.

5.4.4. Chính sách về phòng chống tham nhũng, chống chạy chức, chạy quyền;

a. Các văn bản về phòng, chống tham nhũng:

- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018.

- Nghị định số 126/NĐ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về “Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác PCTN đến năm 2020”.

- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc”.

- Kế hoạch số 5017/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND Bình Thuận về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả giám sát,

kiểm tra, thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp Nhà nước gia đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 644/KH-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.

- Văn bản số 1369/TTBT-VP ngày 22/11/2021 của Thanh tra tỉnh Bình Thuận về việc đề nghị báo cáo định kỳ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý 4 và năm 2021; văn bản số 602/TTBT-VP ngày 16/5/2022 của Thanh tra tỉnh Bình Thuận về việc đề nghị báo cáo định kỳ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm và Quý II năm 2022; văn bản số 1061/TTBT-VP ngày 16/8/2022 của Thanh tra tỉnh Bình Thuận về việc đề nghị báo cáo định kỳ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm và Quý III năm 2022.

- Kế hoạch số 111/KH-LNBT ngày ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Bình Thuận về “Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021”; và Kế hoạch số 98/KH-LNBT ngày ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Bình Thuận về “Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022.

**b. Chính sách luân chuyển cán bộ:**

Kiểm soát viên Công ty thực hiện theo khoản 1, Điều 4, Chương II, Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

**c. Đối tượng phải kê khai tài sản, việc công khai bản kê khai tài sản.**

Cán bộ đang công tác tại Công ty có chức vụ từ Phó phòng trở lên hàng năm bắt buộc phải kê khai tài sản thu nhập cá nhân theo Phụ lục II- Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập theo thông tư 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

**5.4.5. Chính sách về bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình.**

“Bình đẳng giới là mối quan hệ không có sự phân biệt đối xử với phụ nữ, ở đó phụ nữ và nam giới có vị trí, vai trò, được đối xử và được thụ hưởng ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của Công ty, của gia đình. Nam và nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình”.

- Mục tiêu cơ bản của bình đẳng giới trong Công ty:

+ Xóa bỏ mọi phân biệt đối xử về giới trong Công ty;

+ Tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ;

+ Thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

- Các quy định về bình đẳng giới của Công ty:

+ Nam, nữ bình đẳng trong quản lý doanh nghiệp, trao hợp đồng, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động, cơ hội việc làm...;

+ Những công việc thường do nữ thực hiện đều phải được đào tạo và đưa vào trong các chương trình sức khỏe & an toàn và các chương trình đào tạo và sức khỏe và an toàn phải ở mức độ tương tự như công việc do nam thực hiện;

+ Phụ nữ và nam giới được trả tiền công bằng nhau khi họ cùng làm một công việc như nhau; Phụ nữ được trả tiền trực tiếp và sử dụng các phương thức được thoả thuận chung qua thẻ ATM;

+ Có cơ chế bảo mật và hiệu quả để giải quyết và loại bỏ các trường hợp quấy rối tình dục và phân biệt đối xử về giới tính, tình trạng hôn nhân, cha mẹ hoặc khuynh hướng lạm dụng tình dục;

+ Phụ nữ được nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; Người cha được nghỉ thai sản theo qui định và không chịu phạt khi nghỉ thai sản;

+ Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục;

+ Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình;

- Những biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới của Công ty:

+ Ưu tiên nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam (trong bổ nhiệm, tuyển dụng lao động, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động v.v...);

+ Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong Công ty phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; có chính sách quan tâm, tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc nặng nhọc, tiếp xúc với các chất độc hại.

## **VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN.**

### **1. Hiệu quả kinh tế.**

#### **1.1. Giá trị sản phẩm thu được đem lại doanh thu lợi nhuận, nộp ngân sách.**

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022 – 2027, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về kinh tế đã đề ra, cụ thể:

+ Trồng rừng mới trên đất trống, đất lán chiếm, trồng lại rừng sau khai thác và kinh doanh bạch đàn tái sinh chồi : 9.534 ha, bình quân 1.589ha/ năm

+ Khai thác: Trung bình 1.589 ha/năm

+ Sản lượng khai thác bình quân: 171.845 m<sup>3</sup>/năm

+ Chế biến gỗ: 1000 m<sup>3</sup>/năm (tiêu thụ nội địa và tìm kiếm khả năng xuất khẩu)

- + Tăng trưởng bình quân về kinh tế: 10 - 15%/năm
- + Doanh thu: 70 tỷ đồng/năm
- + Lợi nhuận: 5 tỷ đồng/năm
- + Nộp ngân sách: 7 tỷ đồng/năm
- + Tổng số lao động: 230 người
- + Tổng quỹ lương: 22 tỷ đồng
- + Lương trung bình tối thiểu: 7,5 triệu/người/tháng; tổng thu nhập bình quân 8,8 triệu/người/tháng.

### **1.2. Bảo vệ và phát triển vốn rừng.**

- Quản lý tốt, ổn định diện tích rừng trồng 9.085,05 ha rừng trồng Keo lai và Bạch đàn thông qua áp dụng các biện pháp thâm canh, đưa thêm một số giống mới vào sản xuất, bảo đảm năng suất bình quân rừng trồng đạt 100 m<sup>3</sup>/ha đối với bạch đàn và 180 m<sup>3</sup>/ha với keo trong chu kỳ 5 năm, từng bước nâng cao tỷ lệ cung cấp gỗ lớn của rừng trồng, đồng thời qua xác định diện tích khai thác để đưa rừng về cấu trúc mong muốn

- Tổ chức quản lý bảo vệ tốt toàn bộ diện tích 2.884 ha rừng rừng tự nhiên của Công ty, có những biện pháp hữu hiệu để tăng độ che phủ rừng, nhằm càng ngày càng nâng cao chất lượng rừng tự nhiên.

### **2. Hiệu quả xã hội.**

- Ổn định công ăn việc làm cho trên 200 CBCNV toàn công ty đảm bảo các chế độ theo qui định;

- Thu hút lao động địa phương tham gia vào công tác lâm sinh, QLBRV-PCCR hàng năm khoảng 150 - 200 lao động với mức lương cao hơn thu nhập bình quân của người lao động tại địa phương;

- Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương qua các hoạt động góp quỹ xây dựng đường giao thông nông thôn, trường học, nhà vì người nghèo và các quỹ phúc lợi khác như quỹ Đền ơn đáp nghĩa, khuyến học, quỹ phụ nữ nghèo, phòng chống thiên tai, bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Thông qua các hoạt động lâm nghiệp bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường, điều hòa dòng chảy, chống cát bay, góp phần hạn chế thiên tai và biến đổi khí hậu;

- Thông qua tập huấn, thực hiện phương án QLBRV, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cán bộ công nhân viên; thông qua tập huấn, tuyên truyền giáo dục, thu hút người dân vào làm nghề rừng, nâng cao trình độ dân trí, nhận thức của người dân đối với bảo vệ và phát triển rừng;

Sản phẩm rừng trồng góp phần cung cấp nguyên liệu, góp phần phát triển công nghiệp chế biến cho địa phương.

### **3. Hiệu quả môi trường.**

- Việc trồng rừng, chăm sóc rừng hàng năm, QLBRV và PCCR tích cực theo các nguyên tắc QLBRV sẽ giúp duy trì độ che phủ rừng, tăng khả năng giữ đất, giữ nước, góp phần hạn chế các nhân tố khí hậu có hại, làm cho môi trường sống được đảm bảo và ngày càng trong sạch;

- Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp (RIL) theo yêu cầu của FSC sẽ giúp hạn chế tác động xấu đến môi trường;

- Bảo vệ các loài có giá trị bảo tồn cao trong rừng tự nhiên, bảo vệ các khu vực loại trừ (hai bên sông suối khe, khu kết nối...), vừa có ý nghĩa về BTĐDSH, vừa có tác dụng bảo vệ môi trường;

- Việc tổ chức SXKD lâm nghiệp, phát triển trồng các loài cây bản địa, cây ăn quả, cây công nghiệp, đa dạng hóa các dòng cây mẹ trong trồng rừng sẽ giúp tăng độ che phủ của rừng và làm tăng tính ĐDSH, hạn chế sâu bệnh hại rừng, hạn chế sử dụng các chất hóa học gây hại đối với môi trường.

- Phương án QLRBV được thực hiện đảm bảo rằng tính rủi ro về môi trường đạt ở mức thấp nhất góp phần điều hòa khí hậu, ổn định nguồn nước trong sinh hoạt, sản xuất đối với cộng đồng người dân địa phương. Hướng tới đạt mục tiêu quốc gia cũng như thế giới về giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN QLR.**

Bản phương án Quản lý rừng này sẽ được định kỳ 1 năm điều chỉnh một lần, bổ sung dựa trên một số cơ sở cụ thể như sau:

- Kết quả giám sát, các thông tin khoa học kỹ thuật mới cũng như đáp ứng những thay đổi về môi trường, Kinh tế - Xã hội; hoặc có sự thay đổi về các quy định tại các tiêu chuẩn của tổ chức Chứng chỉ rừng FSC quốc tế hoặc có sự thay đổi các quy định về pháp luật của nhà nước Việt Nam.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Sự thay đổi quy hoạch của địa phương, nơi có diện tích rừng Công ty quản lý;

- Kết quả tham vấn ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch quản lý rừng.

## Chương 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ.

Để xây dựng và triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững đạt hiệu quả cao Công ty TNHH MTV LN Bình Thuận phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Đơn vị trực thuộc, bộ phận chuyên môn, cá nhân như sau:

- Tổng Giám Đốc Công ty: chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động thực hiện phương án, phụ trách công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính, chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật.

- Các Phó Tổng Giám Đốc Công ty: Là người giúp việc cho Tổng Giám Đốc, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động chuyên môn, kỹ thuật - QLBR, công tác tài chính; thay mặt Tổng Giám đốc điều hành công việc khi được ủy quyền.

- Phòng Tài chính- kế toán Công ty:

Chịu trách nhiệm theo dõi công tác thu, chi quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền lương, trực tiếp theo dõi công tác tổ chức, lao động, quản lý các thiết bị máy móc, lập kế hoạch, báo cáo kế toán theo đúng qui định.

- Phòng KH-KT Công ty.

Chịu trách nhiệm trong công tác Kỹ thuật- QLBR, trực tiếp kiểm tra, đôn đốc các Xí nghiệp LN Trực thuộc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý rừng bền vững.

- Các Phòng nghiệp vụ khác, tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao và theo quy chế, chức năng hiện hành của Công ty có trách nhiệm tham mưu và thực hiện phương án.

- Các Xí nghiệp LN Trực thuộc Công ty: Trưởng các Đơn vị chịu trách nhiệm triển khai đến toàn thể CBCNV Xí nghiệp các chương trình, kế hoạch hành động liên quan đến việc thực hiện quản lý rừng bền vững do Công ty ban hành. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc các Trạm, Tổ, Đội trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

### II. THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### 1. Xác định các bên liên quan

Các cá nhân, hộ gia đình, tập thể, uỷ ban, tổ chức chính phủ liên quan hoặc bị tác động bởi các hoạt động lâm nghiệp của Công ty sẽ được coi là “các bên liên quan”. Danh sách các bên liên quan được Công ty lập bao gồm:

- Đại diện UBND và HĐND các cấp huyện, xã; trưởng thôn; các hộ nhận khoán rừng, hộ gia đình sinh sống xen lẫn trong rừng bị ảnh hưởng bởi hoạt động SXKD của CT;

- Các cơ quan chức năng trực thuộc UBND cấp tỉnh, huyện: Bảo hiểm xã hội, Thuế, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Kiểm lâm ...;

- Các tổ chức xã hội của huyện, xã: Hội cựu chiến binh, hội Phụ nữ, Đoàn TNCS, hội Nông dân....;

- Các tổ chức phi chính phủ liên quan đến lĩnh vực QLRBV, đa dạng sinh học, môi trường...; Các trường Đại học và Viện nghiên cứu chuyên ngành lâm nghiệp;

## **2. Nội dung tham vấn**

- Thu thập thông tin để xây dựng, điều chỉnh và thực hiện PA quản lý rừng bền vững của Công ty (Kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch trồng rừng, kế hoạch khai thác, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng: Vườn ươm, chế biến, xây dựng trụ sở v.v...);

- Đánh giá khu rừng có giá trị bảo tồn cao và đa dạng sinh học trong khu vực;

- Các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, đặc biệt là tình trạng xói mòn đất và chất lượng nguồn nước;

- Các vấn đề liên quan đến quyền của cộng đồng dân cư địa phương về sử dụng tài nguyên;

- Bất kỳ thay đổi nào trong quy hoạch sử dụng đất bao gồm cả việc chuyển đổi diện tích Công ty;

- Các vấn đề khác như cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế hợp tác với người dân, cộng đồng, phương án phòng chống cháy rừng, xâm lấn đất đai, các hoạt động lâm nghiệp mà có tác động đến một hoặc nhiều bên liên quan cụ thể;

## **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.**

### **1. Kết luận.**

- Kế hoạch quản lý rừng của Công ty được xây dựng có căn cứ khoa học và thực tiễn, trên cơ sở phân tích hiện trạng tài nguyên rừng và đất rừng, điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và năng lực hiện có của công ty; đã tiếp thu đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của ngành và đặc biệt là các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Thuận nên kế hoạch đã cơ bản đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Kết quả của kế hoạch quản lý rừng được thể hiện ở các mặt sau:

- Đánh giá thực trạng sử dụng đất hiện nay, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian qua và những tiềm năng hiện có về tài nguyên thiên nhiên, con người, nguồn lực của Công ty cũng như xác định phương hướng nhiệm vụ của Công ty giai đoạn 2022 - 2027 trong tình hình mới để phân bổ bố trí đất đai.

- Các thông tin được tổng hợp có hệ thống từ các phòng, ban của Công ty, các ban, ngành trên các địa bàn hành chính cấp huyện, đồng thời các thông tin về nhu cầu sử dụng đất được cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tới phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương làm cơ sở để xây dựng kế hoạch quản lý rừng.

- Xử lý, tổng hợp hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng nhiệm vụ phát triển của Công ty, các quy hoạch trong lĩnh vực chuyên ngành đất đai, lâm nghiệp,... trên cơ sở cân đối hài hoà cả mặt định tính và định lượng giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai; điều hoà quan hệ sử dụng đất trong phát triển chung của ngành và phát triển của các ngành kinh tế ở địa phương.

Bố trí sử dụng đất phù hợp với khả năng sản xuất lâu dài, bền vững của Công ty, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường, sinh thái trong thời kỳ từ nay đến năm 2027.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận nhận thấy việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng là một nhiệm vụ quan trọng đầu tiên với các nội dung công việc phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế; từ đó công ty tổ chức thực hiện quản lý rừng theo một định hướng đúng đắn có cơ sở khoa học và thực tiễn, bảo đảm quản lý rừng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường nhằm đạt được các nguyên tắc quản lý rừng bền vững của FSC và được cấp lại chứng chỉ rừng giai đoạn 2023 – 2027.

## **2. Kiến nghị.**

- Để xây dựng và thực thi phương án QLRBV phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc theo bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, trong đó có những nguyên tắc về tính pháp lý đất đai, các quyền của người dân bản địa, các quan hệ cộng đồng và các chính sách môi trường phải cần sự phối hợp, hỗ trợ, cộng tác, chia sẻ trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của các ngành: lâm nghiệp, TNMT, kiểm lâm, UBND các cấp huyện, xã, các tổ chức thôn, làng và nhân dân sống gần rừng. Do đó, Công ty kính đề nghị các đơn vị tổ chức có liên quan, tích cực hỗ trợ giúp đỡ góp phần hoàn thành việc xây dựng và thực thi có hiệu quả phương án QLRBV. Kiến nghị cụ thể:

- UBND và các cơ quan chức năng của tỉnh cần sớm giải quyết ổn định quỹ đất trong thời gian dài, để doanh nghiệp an tâm phát triển sản xuất theo đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Nghị định 118/CP. Cũng như sớm hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ trên toàn bộ diện tích Công ty đang quản lý và sử dụng.

- Chính quyền địa phương cùng với Công ty sớm giải quyết bàn giao diện tích dân sản xuất ổn định về cho địa phương quản lý theo Quyết định phê duyệt Phương án sử dụng đất Công ty giai đoạn 2016 – 2020 (QĐ số 3591/QĐ-UBND).

- Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã La Gi, huyện Hàm Thuận Nam chỉ đạo các ban ngành liên quan tích cực hướng dẫn hồ sơ thủ tục, phối hợp với Công ty để xử lý, giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất vườn ươm tại khu phố 7, phường Tân An, Km 14 – Hàm Thuận Nam.

- Các ngân hàng và Tổ chức tín dụng tại địa phương cần tạo điều kiện vay vốn ưu đãi, liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư trồng rừng cũng như đầu tư sản xuất chế biến;

Trên đây là toàn bộ Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022 – 2027 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận. Kính đề nghị cơ quan, ban ngành có thẩm quyền xem xét, sớm thẩm định, phê duyệt Phương án quản lý rừng để đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện.

Bình Thuận, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN  
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Lê Ngọc Cường**

